

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TNR VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TNR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNR VIETNAM TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110536107

3. Ngày thành lập: 09/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 72C, Ngõ 135 Cầu Cốc, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968095666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; dụng cụ y tế	4649
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); máy móc, thiết bị y tế	4659(Chính)
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4662
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (mặt hàng Nhà nước cho phép)	8299
8.	Lập trình máy vi tính	6201
9.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
10.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế kiến trúc công trình)	7410

11.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
12.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0722
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: - Dịch vụ bơm và tháo nước theo khế ước hoặc hợp đồng; - Hoạt động khoan thử và đào thử. (không bao gồm hoạt động nổ mìn)	0990
14.	Sản xuất hoá chất cơ bản (không bao gồm hóa chất Nhà nước cấm)	2011
15.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
16.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
17.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
18.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
19.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
20.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
21.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
22.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
23.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
24.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
25.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
26.	Sản xuất máy luyện kim	2823
27.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
28.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
29.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
30.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
31.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar)	5610
33.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

34.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; máy móc, thiết bị xây dựng; máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) - Cho thuê trang thiết bị y tế	7730
35.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
36.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
37.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
38.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
39.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	Số nhà 72C, Ngõ 135 Cầu Cốc, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	40,000	0081820016 56	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	40,000		
2	NGUYỄN HỮU NGHĨA	Tổ 13, Phường Minh Xuân, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	0082020078 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

3	HOÀNG THỊ THU	Thôn Trung Lao, Xã Trung Đông, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	40,000	036190015401
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU NGAGiới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/01/1982Dân tộc: KinhQuốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008182001656

Ngày cấp: 31/03/2021Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 88, Tổ 13, Phường Minh Xuân, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 72C, Ngõ 135 Cầu Cốc, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội